

Số: 200/2017/QĐST-HNGĐ

Thanh Trì, ngày 08 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 288/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2015 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Đình T, sinh năm 1974

Trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện T, Hà Nội

Bị đơn: Chị Nguyễn Hồng Quế, sinh năm 1978

Trú tại: Số 22, ngõ 30, Đội 4, xã T, huyện T, Hà Nội

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1

Trú tại: Xóm Đ, thôn V, xã T, huyện T, Hà Nội

2. NLQ2

Trú tại: Số 6 hẻm 42/197, phố T, quận H, Hà Nội

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 27 - Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 16 - Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/06/2012 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31/7/2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31/7/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Lê Đình T và chị Nguyễn Hồng Q

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Đình P, sinh ngày 28/02/2000 và cháu Lê Đình Cảnh L, sinh ngày 06/8/2010. Anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu L cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Về công nợ: Anh T, chị Q xác nhận anh chị nợ NLQ2 860 triệu đồng, nợ NLQ1 500 triệu đồng. Anh Triệu, chị Quế mỗi người có trách nhiệm trả NLQ2 430 triệu đồng, trả NLQ1 250 triệu đồng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 01/9/2017.

Đối với các khoản nợ chung khác của anh T, chị Q, do các chủ nợ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, anh T, chị Q tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Về án phí: Anh Lê Đình T tự nguyện chịu cả 100.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 15.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số 03018 ngày 30/10/2015. Anh T còn phải nộp 15.500.000 đồng.

Chị Nguyễn Hồng Q tự nguyện chịu 15.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- UBND xã H (đăng ký kết hôn ngày 21/01/1999);
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ
Thẩm phán

(đã ký)

Trần Thị Thu Thủy